

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/DS-PT

Ngày: 08-9-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lương Quang.

Các Thẩm phán: ông Lê Trúc Lâm và bà Vũ Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Ý Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: bà Nguyễn Thị Tú Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2023/DSPT ngày 15 tháng 8 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DS-ST ngày 22/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 209/2023/QĐ-PT ngày 30/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 208/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Võ Thị T, sinh năm: 1982; địa chỉ: khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1966; địa chỉ: khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Nguyễn Bá A, sinh năm: 1969; địa chỉ: khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2022, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Bà Võ Thị T và bà Nguyễn Thị L có quen biết nhau, bà L làm ở Tổ vay vốn Khu phố, bà L nói cần tiền để đáo hạn ngân hàng. Bà T mượn tiền của anh, chị, em quen biết thông qua mối quan hệ rồi bà T đưa cho bà L mượn nhiều lần, hẹn đến ngày 29/12/2021 (âm lịch) bà L sẽ trả tiền hết số tiền gốc và lãi cho bà T và có thể chấp nhà đất của vợ chồng bà L cho bà theo giấy thế chấp ngày 03/9/2021 nên bà tin tưởng đưa cho bà L tổng cộng số tiền 8.266.000.000đ (*Tám tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng*). Đến hẹn ngày 29/12/2021, bà Nguyễn Thị L vẫn

không trả, bà L tính lại số tiền bà L mượn bà tổng cộng 8.266.000.000đ (Tám tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng), được bà L tự viết 03 Giấy mượn tiền đưa cho bà hẹn đến ngày 29/02/2022 thì trả đủ tiền cho bà. Tuy nhiên, đến hẹn bà L không trả và nói bà đưa lại 03 tờ giấy để bà L ghi thêm số tiền lãi mà bà L nói đưa cho những người khác vay để làm tin với bà là bà L lấy tiền của bà để đưa cho người khác chứ bà L không lừa gạt bà, cụ thể bà L tự ghi mức lãi suất tại 03 tờ giấy mượn tiền như sau: “số tiền 2.450.000.000đ thì cứ 1.000.000đ trả lãi một ngày 2.500đ, số tiền 4.816.000.000đ thì cứ 1.000.000đ trả lãi một ngày là 2.800đ, số tiền 1.000.000.000đ thì cứ 1.000.000đ trả lãi một ngày là 2.700đ”. Sở dĩ mỗi số tiền có lãi suất khác nhau là vì bà L nói với bà là bà L lấy tiền của bà đưa cho người khác vay làm đảo hạn, người ta trả thì bà L sẽ đưa hết cho bà để làm niềm tin cho bà, thực tế bà chỉ cho bà L vay và thỏa thuận tiền lãi cứ 1.000.000đ thì bà lấy lãi 1.500đ/ngày. Khi bà L tự viết lãi suất vào 03 tờ giấy vay tiền nói trên bà có nói, lý do sao bà L ghi lãi suất không đúng như bà L cam kết với bà thì bà L nói “để mày khỏi phải kiện tao, chứ mày kiện tao thì mày cũng đi tù vì dính vào cho vay nặng lãi”. Sau đó, bà mới biết mưu kế xảo quyệt của bà L có người khác chỉ dẫn để cho bà không dám kiện bà L ra toà án nhằm chiếm đoạt tiền của bà. Việc ghi lãi suất do bà L tự ghi thêm thể hiện qua hai nét mực khác nhau tại hai thời điểm khác nhau đã thể hiện sự mưu tính của bà L, bà chỉ mong có bằng chứng để đòi lại tiền nên bà đã giành lấy lại 03 tờ giấy vay do bà L tự ghi lãi suất, chứ bà chưa nhận khoản tiền lãi nào từ bà Nguyễn Thị L. Bà T khẳng định đây là cái cớ mà bà L đã bày ra để bà không thể kiện bà L vì bà L biết rõ việc bà L ghi lãi suất như nêu trên là vi phạm pháp luật hình sự, bà sẽ bị xử lý về tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Việc bà cho bà L vay số tiền 8.266.000.000đ chồng bà là Lương Bá Thành không có quyền lợi liên quan, là tài sản riêng của bà và chồng bà L (ông Nguyễn Bá An) cũng không biết việc vay (mượn) tiền giữa bà và bà L nên không có nghĩa vụ liên đới về việc vay mượn. Do đó, bà T khởi kiện đề nghị Toà án buộc bà Nguyễn Thị L trả tiền gốc 8.266.000.000đ (Tám tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng) cho bà và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật dân sự.

Theo các lời khai tại Cơ quan Công an thị xã Đ có tại hồ sơ vụ án, bà Nguyễn Thị L trình bày: Từ năm 2020 (không nhớ rõ ngày tháng) đến tháng 10/2021, bà (L) có vay tiền của bà Võ Thị T nhiều lần, có lần bà T đến nhà bà đưa tiền, có lần bà đến nhà bà T lấy tiền, tổng cộng số tiền bà vay của bà T là 8.266.000.000đ (Tám tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng). Khi vay tiền bà T, bà có nói vay tiền để cho người khác đảo hạn ngân hàng thì bà T đồng ý, không hứa hẹn thời gian trả, khi bà vay tiền bà có ký vào giấy mượn tiền, khi bà trả lãi hàng tuần thì tờ giấy đó sẽ hủy, bà T viết lại giấy mượn tiền mới rồi bà ký vào. Bà đã trả lãi đều đặn cho bà T đến ngày 29/12/2021 (Âm lịch) bà không có tiền nên không trả lãi nữa, bà T có gửi lại cho bà 03 tờ giấy mượn tiền, mỗi giấy có thỏa thuận lãi suất khác nhau, cụ thể số tiền 2.450.000.000đ thì cứ 1.000.000đ trả lãi mỗi ngày 2.500đ, số tiền 4.816.000.000đ thì cứ 1.000.000đ lãi suất một ngày là 2.800.000đ, số tiền 1.000.000.000đ thì cứ 1.000.000đ lãi suất một ngày

là 2.700đ; sở dĩ mỗi số tiền có lãi suất khác nhau là vì bà T nói bà T lấy tiền của người khác họ cho vay cao thì bà T cho lại bà vay cao, còn bà T lấy tiền vay thấp thì cho bà vay thấp. Bà có hứa với bà T đến ngày 31/3/2022 bà sẽ trả hết nhưng vì những người khác (Hồ Minh C, Hồ Thị Minh H1, Lê Thị H2) vay tiền của bà không trả nên bà không có tiền để trả cho bà T đúng hẹn. Việc bà L cho Hồ Minh C, Hồ Thị Minh H1, Lê Thị H vay tiền để làm đảo lộn ngân hàng bà T biết vì bà T đến nhà bà gặp những người này.

Quá trình toà án thụ lý đã tổng đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Bá A nhưng bà L, ông A không đến toà án, vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày tại toà án, Tòa án nhân dân thị xã Đ không thể tiến hành hòa giải.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 23/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đ đã quyết định:

Căn cứ Điều 92, các Điều 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 166, 298, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 22, 23, 35 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, vi phạm; khoản 2 Điều 188 Luật Đất đai; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị T vì có căn cứ.

1. Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Võ Thị T số tiền 8.266.000.000đ (Tám tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng).

2. Buộc bà Võ Thị T trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật phải giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 129139 cấp ngày 06/10/2006 đứng tên hộ ông Nguyễn Bá A và bà Nguyễn Thị L (thửa đất số 301, tờ bản đồ 44-C, diện tích 1.340m², tọa lạc tại khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên) cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ tạm giữ để đảm việc thi hành án đối với phần nghĩa vụ phải thi hành án của bà Nguyễn Thị L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.
- Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên kháng cáo.
- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật tố tụng quy định. Về nội dung: cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị đơn

kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả hết nợ. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến các bên đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 296 xét xử vắng mặt người kháng cáo.

[2] Về nội dung kháng cáo bị đơn:

Quá trình TAND thị xã Đ giải quyết vụ án, bị đơn bà L được triệu tập hợp lệ nhiều lần đều vắng mặt, không có lời trình bày. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào 03 Giấy mượn tiền ngày 29/12/2021 AL do nguyên đơn cung cấp có nội dung – giấy thứ nhất: “Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966. Số CMND: 220709857 cấp ngày 19/3/2014. Cư trú: Khu phố Đ – P – Đ Phú Yên. Có mượn của bà Võ Thị T, sinh 1982. Địa chỉ: KP Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Số tiền là 2.450.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm năm chục triệu). Nội dung: mượn đảo hạn Ngân hàng. Lãi suất cứ 1.000.000đ là 2.500đ/ngày). Thời hạn: từ ngày 29/12/2021 đến ngày 29/02/2022 AL. Hôm nay tôi viết giấy này để làm chứng từ về sau. Đến thời hạn nói trên mà vợ chồng tôi không trả đủ số tiền đã mượn của chị T, vợ chồng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Người viết giấy ký tên Nguyễn Thị L”, giấy thứ hai cũng nội dung như trên nhưng với số tiền 4.816.000.000đ, lãi suất cứ 1.000.000đ là 2.800đ/ngày, giấy thứ ba cũng nội dung như trên nhưng với số tiền 1.000.000.000đ, lãi suất cứ 1.000.000đ là 2.700đ/ngày; và lời khai nhận của bà Nguyễn Thị L tại cơ quan điều tra công an thị xã Đ – bà L thừa nhận có mượn của bà Võ Thị T số tiền 8.266.000.000đ chưa trả, để buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải trả cho nguyên đơn bà Võ Thị T số tiền 8.266.000.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị đơn bà Nguyễn Thị L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả hết nợ. Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể thỏa mãn với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[3] Về án phí: Bị đơn kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 92, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 298, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 22, 23, 35 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, vi phạm; khoản 2 Điều 188 Luật Đất đai; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị T vì có căn cứ.

1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải trả cho nguyên đơn bà Võ Thị T số tiền 8.266.000.000đ (*Tám tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành xong.

2. Buộc bà Võ Thị T trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật phải giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 129139 cấp ngày 06/10/2006 đứng tên hộ ông Nguyễn Bá A và bà Nguyễn Thị L (thửa đất số 301, tờ bản đồ 44-C, diện tích 1.340m², tọa lạc tại khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên) cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ tạm giữ để đảm việc thi hành án đối với phần nghĩa vụ phải thi hành án của bà Nguyễn Thị L.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 116.266.000đ (*Một trăm mười sáu triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006962 ngày 30/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ.

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Võ Thị T số tiền tạm ứng án phí 58.133.000đ (*Năm mươi tám triệu một trăm ba mươi ba nghìn đồng*) tại Biên lai tạm ứng án phí số 0001951 ngày 29/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND TX Đông Hòa (2);
- CC THADS TX Đông Hòa;
- P. NVKT;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.

Lương Quang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trúc Lâm

Mai Tấn Hoàng

Lương Quang

